

**CÁC BIỂU MẪU KHI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN BAN HÀNH KÈM THEO  
THÔNG TƯ SỐ: 117/2011/TT - BTC NGÀY 15/ 8 /2011 HƯỚNG DẪN THỦ TỤC HẢI  
QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ GIA CÔNG VỚI THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI**

1. Tờ khai hàng gia công chuyển tiếp, ký hiệu HQ/2011-GCCT.
2. Mẫu 01/TBNVL-GC/2011: Bảng thông báo nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.
3. Mẫu 02/NVLCU-GC/2011: Bảng khai nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng.
4. Mẫu 03/TBĐM-GC/2011: Bảng thông báo định mức từng mã hàng.

## A- PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI GIAO HÀNG, NGƯỜI NHẬN HÀNG

1. Người giao hàng:	<input type="text"/>	5. Loại hình: <input type="checkbox"/> Giao SPGCCT <input type="checkbox"/> Giao NLD <input type="checkbox"/> Giao MM, TB	6. HĐGC giao: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	7. PKHĐGC giao: Số: Ngày: Ngày hết hạn:
2. Người nhận hàng:	<input type="text"/>	8. Loại hình: <input type="checkbox"/> Nhận SPGCCT <input type="checkbox"/> Nhận NLD <input type="checkbox"/> Nhận MM, TB	9. HĐGC nhận: Số: Ngày: Ngày hết hạn	10. PKHĐGC nhận: Số: Ngày: Ngày hết hạn:
3. Người chỉ định giao hàng:	11. Địa điểm giao hàng:			
4. Người chỉ định nhận hàng:	12. Đại lý làm thủ tục hải quan: <input type="text"/>			

STT	13. TÊN HÀNG QUI CÁCH PHẨM CHẤT	14. MÃ SỐ HÀNG HOÁ	15. ĐƠN VỊ TÍNH	16. LƯỢNG	17. ĐƠN GIÁ	18. TRỊ GIÁ
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						

19. Chứng từ kèm theo:      Bản chính      Bản sao	20. Chứng từ kèm theo:      Bản chính      Bản sao
- Chi định giao hàng:      .....      .....	- Chi định nhận hàng:      .....      .....
.....      .....      .....	.....      .....      .....
.....      .....      .....	.....      .....      .....

21. Người giao hàng: Cam kết đã giao đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này.  
*Ngày..... tháng..... năm.....*

(ký tên, đóng dấu; ghi rõ họ tên)

22. Người nhận hàng: Cam kết đã nhận đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này.  
*Ngày..... tháng..... năm.....*

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**B- PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC GIAO HÀNG**

Tổng cục Hải quan	Tờ khai số:...../G/...../.....	Cán bộ đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)
Cục Hải quan:.....	Ngày đăng ký:.....	
Chi cục Hải quan:.....		

23. Lệ phí hải quan:..... bằng chữ: .....

Biên lai thu lệ phí số:.....

ngày:.....

24. Ghi chép khác của Hải quan:	25. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)

**C-PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬN HÀNG**

Tổng cục Hải quan	Tờ khai số:...../N/...../.....	Cán bộ đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)
Cục Hải quan:.....	Ngày đăng ký:.....	
Chi cục Hải quan:.....		

26. Lệ phí hải quan:..... bằng chữ: .....

Biên lai thu lệ phí số:..... ngày:.....

27. Ghi chép khác của Hải quan:	28. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)

**BẢN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU TỜ KHAI  
HÀNG GIA CÔNG CHUYÊN TIẾP**

*Ban hành kèm theo Thông tư số: 117/2011/TT - BTC  
ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

**A. Qui định chung:**

1. Văn bản này chỉ hướng dẫn sử dụng một số ô, cột có đặc thù riêng của tờ khai hàng gia công chuyên tiếp. Các ô, cột khác đã thể hiện cụ thể trên tờ khai nên không hướng dẫn thêm.

2. Người khai có thể khai trên máy vi tính hoặc viết tay. Nếu viết tay thì chỉ được sử dụng một loại mực (không dùng mực đỏ) để khai, không được tẩy xoá, sửa chữa.

3. Người khai hải quan khai trên Tờ khai hàng gia công chuyên tiếp (HQ/2011-GCCT) theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

**B. Hướng dẫn sử dụng cụ thể:**

1. Người giao hàng khai các ô, cột sau: số 1, số 3, số 5, số 6, số 7, số 11, số 13, số 14, số 15, số 16, số 17, số 18, số 19 và số 21.

2. Người nhận hàng khai các ô, mục còn lại của phần A.

3. Ô số 3, số 4: ghi khách hàng nước ngoài ký hợp đồng gia công với doanh nghiệp Việt Nam.

4. Ô số 5:

- Ký hiệu “Giao SPGCCT” là giao sản phẩm gia công chuyên tiếp cho hợp đồng gia công khác.

- Ký hiệu “Giao NLD” là giao nguyên liệu dư cho hợp đồng gia công khác.

- Ký hiệu “giao MM, TB” là giao máy móc, thiết bị cho hợp đồng gia công khác.

Đánh dấu (V) vào ô thích hợp đối với loại hình giao. Ví dụ: giao sản phẩm gia công chuyên tiếp thì đánh dấu vào ô “Giao SPGCCT”.

5. Ô số 8:

- Ký hiệu “Nhận SPGCCT” là nhận sản phẩm gia công chuyên tiếp từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

- Ký hiệu “Nhận NLD” là nhận nguyên liệu dư từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

- Ký hiệu: “Nhận MM, TB” là nhận máy móc, thiết bị từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

Đánh dấu (V) vào ô thích hợp đối với loại hình nhận. Ví dụ: nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp thì đánh dấu vào ô “Nhận SPGCCT”.

6. Các ô số 6,7,9,10:

- Ô số 6 “HĐGC giao”: ghi số, ngày; ngày hết hạn của hợp đồng gia công giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn;

- Ô số 7 “PKHĐGC giao”: ghi số, ngày; ngày hết hạn của phụ kiện hợp đồng gia công giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc, thiết bị mượn, nếu hợp đồng gia công được tách ra thành nhiều phụ kiện để thực hiện;

- Ô số 9 “HĐGC nhận”: ghi số, ngày; ngày hết hạn của hợp đồng gia công nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn;

- Ô số 10 “PKHĐGC nhận”: ghi số, ngày; ngày hết hạn của phụ kiện hợp đồng gia công nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn, nếu hợp đồng gia công được tách ra thành nhiều phụ kiện để thực hiện.

7. Ô số 11: Ghi nơi giao nhận hàng giữa 2 doanh nghiệp nhận gia công.

8. Ô 12 chỉ ghi khi có đại lý làm thủ tục hải quan.

9. Ô số 17: Đối với nguyên liệu dư chuyển sang hợp đồng gia công khác thì ghi đơn giá theo giá trên Invoice khi nhập khẩu nguyên liệu; Đối với sản phẩm gia công chuyển tiếp thì ghi đơn giá như đối với trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài; Đối với trường hợp chuyển máy móc, thiết bị sang hợp đồng gia công khác thì cột này không phải ghi.

10. Cách ghi số đăng ký tờ khai của Hải quan làm thủ tục giao hàng (tại phần B của tờ khai) như sau:

Số tờ khai/G/loại hình/đơn vị Hải quan làm thủ tục.

Ví dụ: Số tờ khai theo số thứ tự trên sổ hoặc trên máy là 29, loại hình là giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, đơn vị Hải quan làm thủ tục là Hải quan Sóng Thần được ghi như sau:

29/G/SPGCCT/ST

11. Cách ghi số tờ khai của Hải quan làm thủ tục nhận hàng (tại phần C của tờ khai) như sau:

Số tờ khai/N/loại hình/đơn vị Hải quan làm thủ tục.

**BẢNG THÔNG BÁO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ CHO HỢP ĐỒNG/PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG GIA CÔNG**

Trang số: .....

Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Số lượng:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Loại nguyên liệu, vật tư	Hình thức cung cấp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
 (ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Bảng này thương nhân thông báo trước hoặc cùng thời điểm làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư.
- Trên cơ sở các khái niệm nêu tại Thông tư này, thương nhân tự xác định nguyên liệu chính, phụ liệu, vật tư và ghi vào cột (5) tương ứng với tên nguyên liệu, vật tư ghi tại cột (2).
- Hình thức cung cấp tại cột (6) ghi: “Bên thuê gia công cung cấp” hoặc “tự cung ứng”.

**BẢNG KHAI NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ DO BÊN NHẬN GIA CÔNG CUNG ỨNG  
SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG VỚI TỜ KHAI XUẤT KHẨU**

Trang số: .....

Tờ khai xuất khẩu số.....;ngày.....  
 Giấy phép xuất khẩu số..... ngày.....;Cơ quan cấp.....  
 Hợp đồng gia công số..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Lượng hàng gia công:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Nguyên liệu, vật tư cung ứng	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Lượng cung ứng	Đơn giá	Trị giá	Hình thức cung ứng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- 1- Thương nhân phải kê khai đầy đủ nguyên liệu, phụ liệu, vật tư tự cung ứng từ tất cả các nguồn.
- 2- Mã nguyên liệu, vật tư ghi tại cột (3) chỉ áp dụng đối với những Chi cục Hải quan thanh khoản bằng máy vi tính.
- 3- Tại cột (5) ghi: Lượng nguyên liệu, vật tư cung ứng để sản xuất ra lượng sản phẩm xuất khẩu của tờ khai xuất khẩu kèm theo Bảng này.
- 4- Tại cột (8) ghi: Trường hợp hình thức cung ứng theo loại hình gia công thì phải ghi rõ số, ngày tờ khai như sau ...../NK/GC-CU/.....; nếu dùng nguyên liệu theo loại hình NSXXK để cung ứng thì ghi rõ số, ngày tờ khai như sau ...../NK/SXXK/...; nếu dùng nguyên liệu trong nước để cung ứng thì ghi nguồn trong nước.

**BẢNG THÔNG BÁO ĐỊNH MỨC TỪNG MÃ HÀNG**

Trang số:.....

Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Số lượng:.....  
 Mã hàng:..... Size:..... Số lượng:..... Đơn vị tính.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức				Nguồn nguyên liệu	Ghi chú
				Định mức sử dụng nguyên liệu $\Delta_s$	Định mức vật tư tiêu hao $\Delta_t$	Tỷ lệ hao hụt H (%)	Định mức kể cả hao hụt $\Delta_c$		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Giới thiệu các thông số của sản phẩm liên quan đến việc xác định định mức trên:

.....  
 .....  
 .....  
 .....

Ngày...tháng...năm....

**Công chức Hải quan tiếp nhận định mức**  
 (ký, đóng dấu công chức)

Ngày...tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
 (Ký tên, đóng dấu)



### Hướng dẫn sử dụng:

1. Mục Size... áp dụng cho trường hợp 01 mã hàng có nhiều size, thương nhân thông báo định mức theo từng size; trường hợp 01 size cho 01 mã hàng có nhiều size nhưng thương nhân chỉ thông báo 01 định mức thì phải thông báo theo định mức bình quân. Cách tính và giải trình định mức bình quân theo hướng dẫn tại điểm 5 và 6 dưới đây.

2. Cột (3) chỉ áp dụng đối với những Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công bằng máy vi tính.

3. Tên nguyên liệu và mã nguyên liệu ghi tại cột (2), (3) phải phù hợp với tên nguyên liệu và mã nguyên liệu khai trên tờ khai hải quan.

4. Định mức kể cả hao hụt (cột 8) được tính như sau:

a. Đối với nguyên liệu:  $D_c = D_s + D_s \times H$

b. Đối với vật tư:  $D_c = D_t + D_t \times H$

5. Cách tính định mức bình quân cho 01 mã hàng trên cơ sở định mức từng size và số lượng sản phẩm từng size tính theo công thức sau:

$$D_{MBQ} = \frac{DMS_1 \times LS_1 + DMS_2 \times LS_2 + \dots + DMS_n \times LS_n}{LS_1 + LS_2 + \dots + LS_n}$$

Trong đó:  $D_{MBQ}$  là định mức bình quân cho cả mã hàng.

$DMS_1, DMS_2, DMS_n$  là định mức của từng size  $S_1, S_2, \dots, S_n$ .

$LS_1, LS_2, \dots, LS_n$  là lượng sản phẩm của từng size  $S_1, S_2, \dots, S_n$ .

6. Bảng giải trình định mức bình quân:

Stt	Nguyên vật liệu	Size1 ( $S_1$ )		Size1 ( $S_2$ )		...		Size1 ( $S_n$ )		Size bình quân	
		Định mức kể cả hao hụt ( $DMS_1$ )	Số lượng SP xuất khẩu ( $LS_1$ )	Định mức kể cả hao hụt ( $DMS_2$ )	Số lượng SP xuất khẩu ( $LS_2$ )	...	...	Định mức kể cả hao hụt ( $DMS_n$ )	Số lượng SP xuất khẩu ( $LS_n$ )	Định mức bình quân kể cả hao hụt ( $D_{MBQ}$ )	Tổng lượng SP xuất khẩu ( $LS_1 + LS_2 + \dots + LS_n$ )
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

7. Cột (9) "Nguồn nguyên liệu" ghi như sau:

- Thương nhân ghi tất cả các nguồn.

8. Đại diện theo pháp luật của thương nhân (ký tên, đóng dấu): trường hợp là hộ gia đình thì ký và ghi rõ họ tên, số chứng minh thư nhân dân.

**CÁC BIỂU MẪU KHI THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG  
BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ: 117/2011/TT - BTC NGÀY 15/ 8 /2011  
CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ  
GIA CÔNG VỚI THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI**

1. Mẫu 01/HSTK-GC/2011: Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.
2. Mẫu 02/HSTK-GC/2011: Bảng tổng hợp sản phẩm gia công xuất khẩu.
3. Mẫu 03/HSTK-GC/2011: Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư xuất trả ra nước ngoài và chuyển sang hợp đồng gia công khác.
4. Mẫu 04/HSTK-GC/2011: Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng.
5. Mẫu 05/HSTK-GC/2011: Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu.
6. Mẫu 06/HSTK-GC/2011: Bảng thanh khoản hợp đồng gia công.
7. Mẫu 07/HSTK-GC/2011: Bảng thanh khoản máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất.
8. Mẫu 08/SPHC-GC/2011: Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu.
9. Mẫu 09/HSTK-GC/2011: Bảng kê tờ khai xuất khẩu sản phẩm gia công.

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU**

Trang số:.....

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ lục hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê gia công: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận gia công: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng gia công: ..... Lượng hàng gia công:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

Số TT	Số Tờ khai nhập khẩu	Ngày đăng ký	Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu					
			Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Lượng hàng	Tổng lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ngày..... tháng .....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tại biểu này thống kê cả nguyên liệu, vật tư nhập khẩu tại chỗ; nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp để làm nguyên liệu, vật tư gia công; nguyên liệu, vật tư dư thừa chuyển từ hợp đồng gia công khác sang.

## BẢNG TỔNG HỢP SẢN PHẨM GIA CÔNG XUẤT KHẨU

Trang số:

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ lục hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê gia công: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận gia công: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng gia công: ..... Lượng hàng gia công:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

Số TT	Số Tờ khai xuất khẩu	Ngày đăng ký	Sản phẩm gia công xuất khẩu					
			Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Lượng hàng	Tổng cộng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ngày..... tháng .....năm.....  
**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- Tại biểu này thống kê cả sản phẩm gia công xuất khẩu tại chỗ; giao sản phẩm gia công chuyên tiếp để làm nguyên liệu, vật tư gia công cho hợp đồng khác.

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ XUẤT TRẢ RA NƯỚC NGOÀI VÀ CHUYỂN SANG  
HỢP ĐỒNG GIA CÔNG KHÁC TRONG KHI ĐANG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG**

Trang số:.....

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ lục hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê gia công: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận gia công: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng gia công: ..... Lượng hàng gia công:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Stt	Tờ khai số	Nguyên liệu, vật tư					
		Tên nguyên phụ liệu	Mã NPL	Đơn vị tính	Lượng hàng từng tờ khai	Tổng lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ngày..... tháng .....năm.....  
**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ DO BÊN NHẬN GIA CÔNG CUNG ỨNG**

Trang số:...

Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Số lượng:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng trị giá	Hình thức cung ứng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ngày..... tháng .....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
 (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- 1- Mẫu này để tổng hợp nội dung thương nhân kê khai nguyên liệu, phụ liệu, vật tư cung ứng theo mẫu 02/NVLCU-GC/2011, Phụ lục I.
- 2- Tại cột (7) ghi: từ nguồn nào.

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT THÀNH SẢN PHẨM XUẤT KHẨU**  
*(Qui đổi từ lượng sản phẩm đã thực xuất khẩu)*

Trang số:...

Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Lượng hàng gia công:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Lượng nguyên liệu, vật tư đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu theo từng mã hàng											
	Tên NL,VT	Mã NL,VT	Tên sản phẩm đã xuất khẩu	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng sản phẩm đã xuất khẩu (M)	Định mức sử dụng (Đs)	Tỷ lệ hao hụt (H)	Định mức kế cả hao hụt (Đc)	Lượng sử dụng (L)	Tổng lượng NL, VT đã sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ngày..... tháng .....năm.....  
 Đại diện theo pháp luật của thương nhân  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## Hướng dẫn sử dụng

1- Công thức tính tổng lượng sử dụng của từng loại nguyên liệu, vật tư để sản xuất tất cả các mã hàng:

$$\sum L = L1 + L2 + \dots + Ln$$

2. Công thức tính lượng sử dụng của từng loại nguyên liệu, vật tư để sản xuất từng mã hàng i:

$$Li = M * Đc$$

Trong đó:

- Cột (7): M là lượng sản phẩm của mã hàng tại cột (4) có định mức Đc đã được thực xuất khẩu (Số liệu lấy ở Bảng 02/HSTK-GC/2011).
- Cột (8): Đc là định mức kể cả hao hụt của mã hàng tại cột (4) tính cho 1 đơn vị sản phẩm.
- Cột (11): Li là lượng sử dụng của loại nguyên liệu, vật tư tại cột (2) để sản xuất ra mã hàng i có định mức Đc.

2- Cột (3) và (5) - Mã nguyên liệu, vật tư (NL,VT) và sản phẩm: thương nhân chi khai khi thanh khoản tại những đơn vị Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản hàng gia công.



## BẢNG THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Trang số: ...

Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Phụ lục Hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
 Bên thuê gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Bên nhận gia công:..... Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng gia công:..... Lượng hàng:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, VT	Đơn vị tính	Tổng lượng NK	Tổng lượng cung ứng	Tổng lượng XK	Nguyên liệu, vật tư dư thừa	Biện pháp xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
								<u>Đề nghị của DN:</u>
								<u>Ý kiến của Hải quan:</u>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng .....năm.....

**Công chức Hải quan đối chiếu**  
(Ghi ngày tháng hoàn thành việc đối chiếu)  
Ký, đóng dấu công chức)

Ngày.....tháng .....năm.....

**Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản**  
(Lãnh đạo Chi cục ký tên, đóng dấu)

## Hướng dẫn sử dụng

1- Công thức tính lượng nguyên liệu, vật tư dư thừa:

$$\text{Lượng nguyên liệu, vật tư dư thừa} = \underbrace{(\text{Tổng lượng nhập khẩu} + \text{Tổng lượng cung ứng})}_{\text{(cột 4)}} - \underbrace{\text{Tổng lượng xuất khẩu}}_{\text{(cột 5)}} \\ \text{(cột 7)}$$

- Tổng lượng nhập khẩu lấy tại cột 8, Bảng 01/HSTK-GC/2011.

Bao gồm: (Tổng lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu) + (Tổng lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu tại chỗ) + (Tổng lượng nhận sản phẩm gia công chuyên tiếp để làm nguyên liệu, vật tư gia công) + (Tổng lượng nguyên liệu, vật tư dư thừa chuyển từ hợp đồng gia công khác sang).

- Tổng lượng xuất khẩu lấy số liệu ở cột 12, Bảng 05/HSTK-GC/2011 và cột 7 Bảng 03/HSTK-GC/2011).

Bao gồm: (Tổng lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu) + (Tổng lượng nguyên liệu, vật tư xuất trả ra nước ngoài) + (Tổng lượng chuyển sang hợp đồng gia công khác khi đang thực hiện hợp đồng gia công).

- Tổng lượng cung ứng: Lấy số liệu ở cột 4, Bảng 04/HSTK-GC/2011.

2- Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

Sau khi hoàn thành việc đối chiếu thanh khoản, nếu không phát hiện có gì sai sót và thương nhân thực hiện xong việc xử lý nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị mượn (nếu có) theo yêu cầu của Hải quan, thì đơn vị Hải quan theo dõi hợp đồng gia công xác nhận hợp đồng/phụ kiện hợp đồng đã hoàn thành thủ tục thanh khoản lên cả 2 bản thanh khoản, trả cho thương nhân 01 bản.

**BẢNG THANH KHOẢN MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠM NHẬP, TÁI XUẤT**

Trang số:

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ lục hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê gia công: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận gia công: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng gia công: ..... Lượng hàng gia công:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

STT	Tên máy móc, thiết bị tạm nhập	Đơn vị tính	Số lượng tạm nhập	Đã xuất hoặc chuyển sang hợp đồng gia công khác trong khi thực hiện hợp đồng gia công	Máy móc thiết bị còn lại chưa tái xuất	Biện pháp xử lý đối với máy móc thiết bị chưa tái xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ngày..... tháng .....năm.....  
**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày .....tháng .....năm.....  
**Công chức Hải quan đối chiếu:**  
 (Ghi ngày tháng hoàn thành việc đối chiếu;  
 Ký, đóng dấu công chức)

Ngày .....tháng .....năm.....  
**Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản**  
 (Lãnh đạo Chi cục ký tên, đóng dấu)

**BẢNG THÔNG KÊ SẢN PHẨM HOÀN CHỈNH NHẬP KHẨU  
ĐỀ GẮN HOẶC ĐÓNG CHUNG VỚI SẢN PHẨM GIA CÔNG XUẤT KHẨU**

Trang số:...

Stt	Tên hàng	Đơn vị tính	Mã nguyên liệu	Hàng hóa nhập khẩu		Hàng hóa xuất khẩu		Số lượng tôn	Biện pháp xử lý đối với sản phẩm hoàn chỉnh chưa tái xuất
				Số, ký hiệu, ngày tờ khai nhập khẩu	Lượng	Số, ký hiệu, ngày tờ khai xuất khẩu	Lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
									<b><u>Đề nghị của doanh nghiệp:</u></b>
									<b><u>Ý kiến của cơ quan Hải quan:</u></b>
<b>Tổng cộng</b>					.....		.....	.....	

Ngày.....tháng.....năm.....  
**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....  
**Công chức Hải quan đối chiếu**  
(ký, đóng dấu công chức)

Ngày.....tháng.....năm.....  
**Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản**  
(Lãnh đạo Chi cục ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Mẫu này thương nhân khai khi thanh khoản hợp đồng gia công.
- Xuất trình trong bộ hồ sơ thanh khoản.

**BẢNG KÊ TỜ KHAI XUẤT KHẨU SẢN PHẨM GIA CÔNG**

Trang số:.....

TT	Số, ngày tờ khai	Tên sản phẩm hoặc nguyên liệu	Số lượng	Trị giá	Hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công (số, ngày ký, ngày hết hạn)	Cửa khẩu xuất	Số, ngày B/L	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ngày          tháng          năm  
Đại diện theo pháp luật của thương nhân  
(ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Đối với tờ khai xuất khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường sông; tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ, tờ khai gia công chuyển tiếp không phải ghi số B/L (cột 8).